

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên tiếng Việt: Trường Trung cấp Ngô Quyền Hà Nội
- Tên tiếng Anh: Ngo Quyen Hanoi College

2. Địa chỉ:

CS1: Thôn Vĩnh Thanh – xã Vĩnh Ngọc – Đông Anh – Hà Nội

CS2: Số 59 phố Hữu Nghị – phường Xuân Khanh – thị xã Sơn Tây – Hà Nội

Điện thoại: 0246.290.3078

Email: tcngoquyenhanoi@gmail.com

Website: <https://trungcapngoquyenhanoi.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Tư thục

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hà Nội

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng, tầm nhìn: Với phương châm “*Ý chí tạo thành công*”, trường Trung cấp Ngô Quyền Hà Nội (trước đây là trường Trung cấp Y – Dược Cộng đồng Hà Nội) phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo đa nghề gắn với thị trường lao động, cung cấp nguồn nhân lực có tay nghề chất lượng cao cho thị trường việc làm trong nước cũng như cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, CHLB Đức.
- Mục tiêu là tạo dựng một “dây chuyền” giáo dục, đào tạo, sản xuất khép kín, đảm bảo “đầu vào” của Trung cấp Ngô Quyền Hà Nội, chất lượng đầu ra. Trong bối cảnh tỷ lệ thất nghiệp có xu hướng gia tăng hiện nay, chiến lược gắn quá trình giáo dục, đào tạo với thị trường lao động của hệ thống thực sự là một bước đi trí tuệ và nhân văn.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Trung cấp Ngô Quyền Hà Nội tiền thân là trường Trung học dân lập Kinh tế – Kỹ thuật Thăng Long được thành lập theo Quyết định số 5849/QĐ-UB ngày 08 tháng 10 năm 2001 của UBND thành phố Hà Nội. Qua 3 lần đổi tên trường, ngày 14 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định số 118/QĐ-SLĐTBXH của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hà Nội, trường chính thức được đổi tên thành “Trường Trung cấp Ngô Quyền Hà Nội”.

Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, Nhà trường đã và đang khẳng định được uy tín, chất lượng đào tạo trong hệ thống các trường trung cấp, cao đẳng nghề, cung cấp nguồn nhân lực cho thị trường lao động trong và ngoài nước. Năm 2019, nhà trường mở rộng thêm 01 cơ sở đào tạo tại địa chỉ số 59,

phố Hữu Nghị, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, nâng tổng số cơ sở đào tạo hiện nay của nhà trường lên 02 cơ sở.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Đại diện: Ông Đồng Xuân Hưng Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Vĩnh Thanh – xã Vĩnh Ngọc – Đông Anh – Hà Nội
- Điện thoại: 0246.290.3078
- Email: ngoquyenhung@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập trường:

- Quyết định thành lập: Quyết định số 5849/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội ngày 08/10/2001 về việc thành lập trường Trung học dân lập Kinh tế - Kỹ thuật Thăng Long.

- Quyết định chuyển đổi và Quyết định đổi tên trường: Quyết định số 1709/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ngày 30/10/2008 về việc đổi tên Trường Trung học Dân lập kinh tế Kỹ thuật Thăng Long thành Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Thăng Long; Quyết định số 5102/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ngày 08/10/2015 về việc cho phép Trường Trung cấp dân lập Kinh tế - Kỹ thuật Thăng Long được chuyển đổi từ loại hình trường dân lập sang loại hình trường tư thục; Quyết định số 8855/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ngày 22/12/2017 về việc đổi tên Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Thăng Long thành Trường Trung cấp Y - Dược Cộng đồng Hà Nội; Quyết định số 118/QĐ-SLĐTBXH của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hà Nội ngày 14/02/2025 về việc cho phép đổi tên trường Trung cấp Y – Dược Cộng đồng Hà Nội thành trường Trung cấp Ngõ Quyền Hà Nội.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Quyết định số 237/QĐ-SLĐTBXH ngày 30/03/2018 của Giám đốc Sở Lao động thương binh và xã hội Hà Nội về việc công nhận Hội đồng quản trị Trường Trung cấp Y – Dược Cộng đồng Hà Nội.

- Quyết định số 196/ SLĐTBXH-GDNN ngày 16/01/2025 của Giám đốc Sở Lao động thương binh và xã hội Hà Nội về việc chấm dứt hoạt động Hội đồng quản trị.

c) Quyết định công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

- Quyết định số 106/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/02/2023 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Hà Nội về việc công nhận ông Đồng Xuân Hưng là Hiệu trưởng Trường Trung cấp Y – Dược Cộng đồng Hà Nội.

- Quyết định Số 45/QĐ-YDCD ngày 11/01/2024 của Chủ tịch HĐQT trường trung cấp Y – Dược Cộng đồng Hà Nội về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng đối với ông Nguyễn Mạnh Toàn.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động:

- Quy chế tổ chức và hoạt động trường Trung cấp Y – Dược Cộng đồng Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-TCYDCĐHN ngày 26/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Y – Dược Cộng đồng Hà Nội.

- Sơ đồ tổ chức:



đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không có

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

- Hiệu trưởng: Ông Đồng Xuân Hưng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Vĩnh Thanh – xã Vĩnh Ngọc – Đông Anh – Hà Nội

Điện thoại: 0246.290.3078

Email: ngoquyenhung@gmail.com

- Phó hiệu trưởng: Nguyễn Mạnh Toàn

Địa chỉ nơi làm việc: Số 59 phố Hữu Nghị – phường Xuân Khanh – thị xã Sơn Tây – Hà Nội

Điện thoại: 0989.222.855

Email: manhtoan2010@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Thông báo số 107/TB-YDCD ngày 05/04/2024 của Trường trung cấp Y – Dược Cộng đồng Hà Nội về việc tuyển dụng giáo viên.
- Quyết định số 163/QĐ-YDCĐ ngày 15/08/2024 về việc quy định mức thu học phí năm học 2024-2025 tại cơ sở 2 Sơn Tây.
- Quyết định số 170/ QĐ-YDCĐ ngày 12/09/2024 của Hiệu trưởng trường Trung cấp Y – Dược Cộng đồng Hà Nội về việc ban hành qui định công khai trong hoạt động của nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục thường xuyên, năm học 2025-2026:

STT	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Trình độ đào tạo						Ghi chú
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc ban đầu, hợp đồng làm việc có thời hạn, hợp đồng làm việc không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, hợp đồng vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, hợp đồng theo ND 68)	TS	ThS	ĐH	CD	TCCN	Trình độ khác	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	26				04	21	01			
I	Giáo viên	12					12				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:										
1	Toán	02					02				
2	Lý	01					01				
3	Hóa	01					01				
4	Văn	03					03				
5	Sử	02					02				
6	Địa	02					02				
7	Sinh	01					01				
8	Ngoại ngữ	0					00				
9	Tin học	0					00				
10	Thể dục	0					00				
11	Giáo dục công dân	0					00				
II	Cán bộ quản lý	4				02	02				

1	Giám đốc	1				01					
2	Phó Giám đốc	1				01					
3	Chủ tịch HĐQT - Hiệu trưởng	1					01				
4	Phó Hiệu trưởng	1					01				
III	Nhân viên	10				02	07	01			
1	Nhân viên văn thư	1					01				
2	Nhân viên kế toán	1					01				
3	Thủ quỹ	1					01				
4	Nhân viên y tế	1						01			
5	Nhân viên thư viện	1					01				
6	Nhân viên khác	5				02	03				

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tại cơ sở Sơn Tây (Số 59, Hữu Nghị, phường Xuân Khanh, TX. Sơn Tây, Hà Nội)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	7	-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	7	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	2	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	-	
7	Bình quân lớp/phòng học	1 lớp/1 phòng	
8	Bình quân học sinh/lớp	39 HS/lớp	
III	Số điểm trường		Số m ² /học viên
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	1.280 m ²	

V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	450 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng	565 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	325 m ²	1,67 m ² / HS
2	Diện tích phòng thí nghiệm (m ²)	40 m ²	1,03 m ² / HS
3	Diện tích thư viện (m ²)	65 m ²	0,9 m ² / HS
4	Diện tích phòng lao động sản xuất (m ²)		
5	Diện tích phòng thực hành (m ²)	70 m ²	1,8 m ² / HS
6	Diện tích xưởng sản xuất (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	6	
1.1	Khối lớp 10	2	1 bộ/lớp
1.2	Khối lớp 11	2	1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 12	2	1 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		
2.2	Khối lớp 11		
2.3	Khối lớp 12		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	30	7 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi		
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	1,17 thiết bị/lớp
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học viên bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học viên		Số m ² /học viên	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,26 m ² /học viên
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trung tâm	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường Trung cấp Ngô Quyền Hà Nội liên kết giảng dạy văn hóa với Trung tâm GDNN – GDTX Đông Anh, cam kết chất lượng giáo dục như sau:

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		10	11	12
I	Điều kiện tuyển sinh	Phòng học đủ tiêu chuẩn về diện tích, ánh sáng, thiết bị và theo quy định tuyển sinh vào 10 của Sở GD&ĐT Hà Nội	Phòng học đủ tiêu chuẩn về diện tích, ánh sáng, thiết bị và theo quy định chuyển trường của Sở GD&ĐT Hà Nội	Phòng học đủ tiêu chuẩn về diện tích, ánh sáng, thiết bị và theo quy định chuyển trường của Sở GD&ĐT Hà Nội
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình của Bộ GD&ĐT	Thực hiện theo chương trình của Bộ GD&ĐT	Thực hiện theo chương trình của Bộ GD&ĐT
III	Yêu cầu phối hợp giữa trung tâm và gia đình. Yêu cầu thái độ học tập của học viên	- Phối hợp giữa nhà trường và gia đình phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh, thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện CMHS trường, lớp. Lớp có đủ thành phần cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, GDTX, học và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục	- Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo hỗ trợ các hoạt động học tập, giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, lối sống, bồi dưỡng lí tưởng cách mạng cho học sinh.		

V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học viên dự kiến đạt được	- Đạo đức học sinh: 90% học sinh hạnh kiểm Tốt; 10% học sinh hạnh kiểm Khá - Học tập: 98% học sinh lên lớp thẳng. Học lực Khá, Giỏi: 50% trở lên, Trung bình: 50% - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS	- Đạo đức học sinh: 95% học sinh hạnh kiểm Tốt; 5% học sinh hạnh kiểm Khá - Học tập: 98% học sinh lên lớp thẳng. Học lực Khá, Giỏi: 60% trở lên, Trung bình: 40% - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS	- Đạo đức học sinh: 98% học sinh hạnh kiểm Tốt; 2% học sinh hạnh kiểm Khá - Học tập: 100% học sinh lên lớp thẳng. Học lực Khá, Giỏi: 70% trở lên, Trung bình: 30%; 100% học sinh đỗ tốt nghiệp THPT. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học viên	98% lên lớp thẳng; 100% HS học lớp trung cấp nghề.	98% lên lớp thẳng; 100% HS tốt nghiệp TCN.	100% TNTHPT; 20% đỗ vào các trường ĐH, CĐ, TCCN; 80% tham gia TT lao động

Số: 2204/QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy Chứng nhận chất lượng giáo dục
cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 22/2024/QĐ-UBND ngày 07/03/2024 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ báo cáo đánh giá ngoài và xét đề nghị công nhận của Đoàn đánh giá ngoài được thành lập theo Quyết định số 1092/QĐ-SGDĐT ngày 07/5/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc thành lập Đoàn đánh giá ngoài để công nhận công nhận kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy Chứng nhận chất lượng giáo dục cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đông Anh đạt Cấp độ 2.

Điều 2. Chứng nhận chất lượng giáo dục có giá trị 05 năm kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng có liên quan thuộc Sở; Giám đốc Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đông Anh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- UBND Thành phố;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Đ/c PGD Sở Nguyễn Quang Tuấn;
- Lưu: VT, QLT.

GIÁM ĐỐC

Trần Thế Cường

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Kết quả hai mặt giáo dục trong công tác liên kết giảng dạy văn hóa hệ GDTX cấp THPT của nhà trường năm học 2023 – 2024 như sau:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			THCS	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học viên xếp loại rèn luyện	204		71	62	71
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	79 (38.7%)		24 (11.8%)	31 (15.2%)	24 (11.8%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	84 (41.2%)		25 (12.3%)	22 (10.8 %)	37 (18.1%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	37 (18.1%)		21 (10.3%)	8 (3.9%)	8 (3.9%)
4	Không đạt (tỷ lệ so với tổng số)	4 (1.96%)		1 (0.49%)	1 (0.49%)	2 (0.98%)
II	Số học viên chia theo học lực	204		71	62	71
1	Giỏi – Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	15 (7.4%)		1 (0.5%)	4 (2.0 %)	10 (4.9%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	120 (58.8%)		38 (18.6%)	30 (14.7%)	52 (25.5%)
3	Trung bình – Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	65 (31.9%)		30 (14.7%)	28 (13.7 %)	7 (3.4%)
4	Yếu – Không đạt (tỷ lệ so với tổng số)	3 (1.5%)		2 (0.98%)	0 (0%)	1 (0.49%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.5%)		0 (0%)	0 (0%)	1 (0.49%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	204		71	62	71
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	202 (99%)		71 (34.8%)	62 (30.4%)	69 (33.8%)
a	Học viên giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	15 (7.5%)		1 (0.49%)	4 (2.0 %)	10 (5.0%)
b	Học viên tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	120 (58.8%)		38 (18.6%)	30 (14.7%)	52 (25.5%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	6 (3.0%)		1 (0.5%)	5 (2.6%)	0 (0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	2 (1.0%)		0 (0%)	0 (0%)	2 (1.0%)
4	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)	1 (0.5%)		1 (0.5%)	0 (0%)	0 (0%)
IV	Số học viên dự xét hoặc thi tốt nghiệp	68				68
V	Số học viên được công nhận tốt nghiệp	67				67

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công tác thu và chi

- Công tác thu

+ Tổng thu học phí: 913.310.000 VNĐ.

+ Tổng các khoản thu khác của trường: 11.160.000.000 VNĐ.

+ Mức thu học phí bình quân của 01 học sinh/1tháng:

Năm học	Học phí lớp 10 (VNĐ)	Học phí lớp 11 (VNĐ)	Học phí lớp 12 (VNĐ)
2024 - 2025	400.000	500.000	700.000
2025 - 2026	400.000	500.000	700.000
2026 - 2027	450.000	550.000	750.000
2027 - 2028	450.000	550.000	750.000

- Công tác chi

Tổng chi: 12.073.310.000 đồng, trong đó:

+ Chi trả lương và các khoản khác theo lương: 9.441.717.500 VNĐ, tỷ lệ chi 78%.

+ Chi mua sắm trang thiết bị, sách thư viện: 100.000.000 VNĐ, tỷ lệ chi 1%.

+ Chi đầu tư cải tạo, thuê cơ sở vật chất: 410.378.993 VNĐ, tỷ lệ chi 3%.

+ Chi đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động: 283.143.750 VNĐ, tỷ lệ chi 2 %.

+ Chi đóng bảo hiểm y tế cho người lao động: 40.736.250 VNĐ, tỷ lệ chi 0.34%.

+ Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hoạt động phong trào ...): 50.000.000 VNĐ, tỷ lệ 0.4%.

+ Chi khác: 1.747.333.507 VNĐ, tỷ lệ chi: 14%

BẢNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG THU CHI

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ SỐ THỐNG KÊ	Năm 2024	GHI CHÚ
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	12,073,310,000	
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư		
II	Thu giáo dục và đào tạo	12,073,310,000	
1	Học phí, lệ phí từ người học	12,073,310,000	
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
III	Thu khoa học và công nghệ	-	
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		

3	Thu khác		
IV	Thu nhập khác (thu nhập ròng)	-	
	<i>Tổng nguồn thu học phí và hỗ trợ chi thường xuyên</i>		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	12,073,310,000	
I	Chi lương, thu nhập	9,441,717,500	
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	4,107,010,000	
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	5,334,707,500	
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	834,258,993	
1	Chi cho đào tạo	100,000,000	
2	Chi cho nghiên cứu	35,000,000	
3	Chi cho phát triển đội ngũ		
4	Chi phí chung và chi khác	699,258,993	
III	Chi hỗ trợ người học	50,000,000	
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	40,000,000	
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác	10,000,000	
IV	Chi khác	1,747,333,507	
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	-	
	<i>Chênh lệch thu chi/ Tổng thu</i>	-	

2. Thực hiện báo cáo tài chính

- Mở sổ sách tài chính theo quy định Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa
- Đăng ký mã số thuế theo quy định
- Báo cáo tài chính và quyết toán thuế năm 2024.
- Báo cáo Kiểm kê định giá giá trị tài sản năm 2024.
- Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024.
- Nộp báo cáo tài chính năm cho cơ quan quản lý tài chính và giáo dục cấp trên năm 2024.
- Bảng lương của trường (12 tháng/2024).
- Quy chế chi tiêu nội bộ (2024).

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Khuyến khích giáo viên và học sinh tham gia nghiên cứu: Tổ chức các chuyên đề nhằm nâng cao kỹ năng nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn trong giảng dạy và học tập.

- Hợp tác với doanh nghiệp và đơn vị nghiên cứu: Phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường thực hiện các dự án thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, cải tiến chương trình đào tạo theo hướng thực tiễn.

- Chương trình đào tạo kết hợp doanh nghiệp: Triển khai mô hình đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp, giúp học sinh có cơ hội thực tập và việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.

- Dự án nâng cao kỹ năng nghề nghiệp: Thực hiện dự án đào tạo ngắn hạn nhằm bổ trợ kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên môn cho học sinh, giúp học sinh thích nghi tốt hơn với thị trường lao động.

- Chương trình hỗ trợ học sinh yếu thế: Trường có các chương trình hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh vùng sâu vùng xa bằng các suất học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ tìm việc sau khi tốt nghiệp.

- Ứng dụng chuyển đổi số trong giáo dục: Phát triển hệ thống học tập trực tuyến, số hóa tài liệu giảng dạy và triển khai các công cụ hỗ trợ dạy học hiện đại nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy. *tu*

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Xuân Hưng